

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP  
CÔNG TY CP CK-LM SÔNG ĐÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 118 CT-TCKT

“V/v: MEC công bố BCTC Tổng hợp  
kiểm toán 6 tháng đầu năm 2020)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà
2. Mã chứng khoán: MEC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A38 Khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 024.3783.2398 Fax: 024.3783.2397
5. Người Công bố thông tin: Khiếu Mạnh Tuấn - Tổng Giám đốc công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:


Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà được lập ngày 28 tháng 08 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Văn bản số 116 CT-TCKT ngày 28/08/2020 giải trình chênh lệch lợi nhuận tổng hợp 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019.

Văn bản số 117 CT-TCKT ngày 28/08/2020 giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán BCTC 6 tháng đầu năm Công ty mẹ.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà:  
[www.someco.com.vn](http://www.someco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:   
- Như kính gửi  
- Lưu P.TCKT; TCHC



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Khiếu Mạnh Tuấn*

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**  
**CÔNG TY CP CK-LM SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116 CT-TCKT  
“V/v: Giải trình chênh lệch LNST tổng  
hợp sau kiểm toán 6 tháng đầu năm  
2020 so với cùng kỳ năm 2019”

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà, mã chứng khoán MEC, xin báo cáo chênh lệch lợi nhuận sau thuế tổng hợp 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019:

*ĐVT: Nghìn đồng*

TT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	Chênh lệch	Biến động
1	LN sau thuế	-17.760.078	-18.727.415	967.337	-5,17%

**Nguyên nhân:** Do đơn vị đã tiết kiệm được chi phí quản lý và hoàn nhập được một số khoản đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2019 trong 6 tháng đầu năm 2020.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nhiều Mạnh Tuấn*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 36

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cơ khí – Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 05 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký**

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Đỗ Thị Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Bà Quang Thị Kim Dung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Minh Quyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Văn Tám	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Khiếu Mạnh Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Khiếu Mạnh Tuấn

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0495/20/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ về khoản lỗ thuần 17.760.078.124 VND của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 160.551.339.029 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 104.837.546.384 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>525.130.285.407</b>	<b>531.310.730.030</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>306.199.302</b>	<b>3.757.294.821</b>
1. Tiền		111		306.199.302	3.757.294.821
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>331.946.697.866</b>	<b>329.528.157.277</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	294.456.816.312	301.915.601.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	24.416.620.675	23.629.132.178
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5	15.899.680.787	15.339.085.299
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6	68.878.148.590	62.148.906.746
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(71.704.568.498)	(73.504.568.498)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>173.339.574.781</b>	<b>178.840.838.412</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.8	173.339.574.781	178.840.838.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>19.537.813.458</b>	<b>19.184.439.520</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		101.843.501	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		19.435.969.957	19.184.439.520
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>82.115.562.559</b>	<b>85.075.028.613</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.087.037.769</b>	<b>3.419.299.596</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	467.037.769	1.799.299.596
<i>Nguyên giá</i>	222		112.053.147.724	112.053.147.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(111.586.109.955)	(110.253.848.128)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.120.000.000	2.120.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(500.000.000)	(500.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>781.492.174</b>	<b>781.492.174</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>72.559.420.609</b>	<b>74.013.111.340</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		63.146.432.000	63.146.432.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		39.124.823.018	39.124.823.018
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.731.834.409)	(28.278.143.678)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.687.612.007</b>	<b>6.861.125.503</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	6.687.612.007	6.861.125.503
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>607.245.847.966</b>	<b>616.385.758.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>629.993.296.869</b>	<b>621.373.129.422</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>629.967.831.791</b>	<b>621.347.664.344</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	157.412.495.533	156.515.655.260
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	70.083.607.118	69.883.858.471
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	76.911.401.752	76.631.169.298
4. Phải trả người lao động	314		5.943.898.039	6.142.445.749
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	12.259.762.950	14.048.117.665
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	88.976.304.158	78.620.055.660
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	216.396.142.678	217.496.142.678
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.984.219.563	2.010.219.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.465.078</b>	<b>25.465.078</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(22.747.448.903)</b>	<b>(4.987.370.779)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>(22.747.448.903)</b>	<b>(4.987.370.779)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(160.551.339.029)	(142.791.260.905)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(142.791.260.905)	(142.791.260.905)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.760.078.124)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>607.245.847.966</b>	<b>616.385.758.643</b>

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hải

Phạm Văn Hiện

Khiếu Mạnh Tuấn



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	20.696.350.856	32.631.364.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.696.350.856	32.631.364.728
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.787.029.196	32.804.033.481
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.090.678.340)	(172.668.753)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	461.470.323	452.301.711
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.177.229.712	11.774.836.823
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.723.538.981	9.770.950.823
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.988.394.052	6.475.915.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.794.831.781)	(17.971.119.628)
11. Thu nhập khác	31		800	37.460.000
12. Chi phí khác	32	VI.6	965.247.143	793.755.651
13. Lợi nhuận khác	40		(965.246.343)	(756.295.651)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.760.078.124)	(18.727.415.279)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(17.760.078.124)	(18.727.415.279)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hải

Phạm Văn Hiện

Khiếu Mạnh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(17.760.078.124)	(18.727.415.279)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	1.332.261.827	1.359.963.760
- Các khoản dự phòng	03	V.2; 7	(346.309.269)	2.003.886.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(460.595.488)	(450.575.025)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.723.538.981	9.770.950.823
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.511.182.073)	(6.043.189.721)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(309.475.538)	15.255.334.443
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.501.263.631	7.367.163.820
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.105.592.731	(13.931.929.224)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		71.669.995	173.513.496
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(82.964.265)	(182.604.391)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(26.000.000)	(70.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.251.095.519)</b>	<b>2.568.088.423</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	450.575.025
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(100.000.000)</b>	<b>450.575.025</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	150.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.250.000.000)	(1.457.998.248)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.100.000.000)</b>	<b>(1.457.998.248)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(3.451.095.519)</b>	<b>1.560.665.200</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>3.757.294.821</b>	<b>3.487.043.642</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>306.199.302</b>	<b>5.047.708.842</b>

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hải

Phạm Văn Hiện

Khieu Mạnh Tuấn



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công, và lắp đặt công trình cơ khí.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Một số công trình như Đăkpru1, Rào Trăng 4, Công ty ký hợp đồng với đơn giá cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình thi công giá vật tư tăng rất cao dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ;

Nhiều công trình đơn vị thi công xong từ rất lâu như Nậm Chiến 1, Nậm chiến 2, Nậm Công, Sứ Pán... Công ty đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, công tác thanh toán chủ đầu tư rất chậm làm cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, dẫn đến chi phí lãi vay rất lớn.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Các công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,96%	89,96%
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	Số nhà 10 TT33, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Công ty liên kết***

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ quyền biểu quyết là 24%, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn cam kết.

#### ***Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc***

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 211 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 247 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng;
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán;

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Giá trị thương hiệu Sông Đà*

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294 TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	21.317.904	944.701.436
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	284.881.398	2.812.593.385
Cộng	306.199.302	3.757.294.821

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>63.146.432.000</b>	<b>(28.549.608.248)</b>	<b>63.146.432.000</b>	<b>(27.211.525.182)</b>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang <sup>(i)</sup>	53.146.432.000	(18.549.608.248)	53.146.432.000	(17.211.525.182)
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco <sup>(ii)</sup>	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco <sup>(iii)</sup>	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>39.124.823.018</b>	<b>(1.182.226.161)</b>	<b>39.124.823.018</b>	<b>(1.066.618.496)</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 <sup>(iv)</sup>	39.124.823.018	(1.182.226.161)	39.124.823.018	(1.066.618.496)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 - khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>102.291.255.018</b>	<b>(29.731.834.409)</b>	<b>102.291.255.018</b>	<b>(28.278.143.678)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100199853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 11 năm 2012, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 35.160.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 02 NQ/HDQT ngày 10 tháng 03 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà thì Công ty đảm nhiệm và tiếp tục góp vốn của các cổ đông khác không góp. Công ty đã đầu tư 53.146.432.000 VND, tương đương 89,96% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0104835162 thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ theo cam kết.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0104755407 thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ theo cam kết.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 162.000.000.000 VND tương ứng với 16.200.000 cổ phần. Công ty sở hữu 3.912.482 cổ phần tương ứng với 24% vốn điều lệ.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc. Các công ty con khác đang không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	28.278.143.678	20.609.085.490
Trích lập dự phòng bổ sung	1.453.690.731	2.003.886.000
Số cuối kỳ	29.731.834.409	22.612.971.490

#### Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</b>		
Lãi vay phải thu công ty con	304.304.765	167.130.681
<b>Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco</b>		
Lãi vay phải thu Công ty con	69.943.749	128.169.083
<b>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</b>		
Doanh thu xây lắp Công ty con thực hiện		417.432.411
Phí thầu chính phải thu của Công ty con		16.697.296
Lãi vay phải thu Công ty con	86.346.974	155.275.261

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>204.117.215.264</i>	<i>203.692.602.971</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	188.113.240.230	186.480.247.287
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	150.608.853	150.608.853
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	130.470.486
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.925.882.302	3.025.882.302
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
CTCP Sông Đà 11	4.951.263.718	5.428.561.863
CTCP Sông Đà 11 Thăng Long	327.959.347	959.041.852
Công ty CP thủy điện Đak Glei (HĐ 29A/2018/HĐKT)	38.180.400	38.180.400
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	2.934.522.911	2.934.522.911
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.190.032.025	1.190.032.025
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	664.430.268	664.430.268
Công ty TNHH M Kỹ thuật Công nghệ Someco	1.641.215.795	1.641.215.795
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>90.339.601.048</i>	<i>98.222.998.581</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ pán 2	43.114.658.280	44.614.658.280
Phải thu các khách hàng khác	47.224.942.768	53.608.340.301
<b>Cộng</b>	<b>294.456.816.312</b>	<b>301.915.601.552</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>11.279.967.721</i>	<i>11.279.967.721</i>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	5.193.981.036	5.193.981.036
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	6.085.986.685	6.085.986.685
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>13.136.652.954</i>	<i>12.349.164.457</i>
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000	7.385.850.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	-	32.296.000
Các nhà cung cấp khác	5.750.802.954	4.931.018.457
<b>Cộng</b>	<b>24.416.620.675</b>	<b>23.629.132.178</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>13.399.680.787</i>	<i>12.839.085.299</i>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	2.982.581.077	2.912.637.328
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	3.682.056.717	3.595.709.743
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	6.575.710.535	6.171.405.770
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.899.680.787</b>	<b>15.339.085.299</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>22.546.653.664</i>	-	<i>22.546.653.664</i>	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	22.312.000.000	-	22.312.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc - Tạm ứng và các khoản khác	234.653.664	-	234.653.664	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>46.331.494.926</i>	<i>(6.143.301.295)</i>	<i>39.602.253.082</i>	<i>(8.076.597.856)</i>
Tạm ứng	19.741.625.489		17.535.040.947	-
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	10.659.217.055		6.470.264.366	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc - tiền lãi cho vay	6.143.301.295	(6.143.301.295)	8.076.597.856	(8.076.597.856)
Ký cược, ký quỹ	1.269.448.566		1.268.448.566	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.517.902.521		6.251.901.347	-
<b>Cộng</b>	<b>68.878.148.590</b>	<b>(6.143.301.295)</b>	<b>62.148.906.746</b>	<b>(8.076.597.856)</b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	43.114.658.280	(43.114.658.280)	44.614.658.280	(44.614.658.280)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	15.371.084.534	(15.371.084.534)	15.571.084.534	(15.571.084.534)
Các đối tượng khác	13.392.322.111	(13.218.825.684)	13.492.322.111	(13.318.825.684)
<b>Cộng</b>	<b>71.878.064.925</b>	<b>(71.704.568.498)</b>	<b>73.678.064.925</b>	<b>(73.504.568.498)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	73.504.568.498	7.414.428.303
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(1.800.000.000)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>71.704.568.498</b>	<b>7.414.428.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.533.787.266	-	8.893.999.611	-
Công cụ, dụng cụ	94.981.603	-	117.231.096	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	164.710.805.912	-	169.829.607.705	-
Công trình thủy điện Xekamman1	43.580.797.976	-	45.037.752.976	-
Công trình thủy điện Xekaman 3	21.962.778.795	-	21.962.778.795	-
Công trình thủy điện Sanxay	37.076.117.692	-	37.330.812.279	-
Công trình khác	62.091.111.449	-	65.498.263.655	-
<b>Cộng</b>	<b>173.339.574.781</b>	<b>-</b>	<b>178.840.838.412</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sử dụng đất (tại Đà Nẵng)	6.662.341.382	6.777.450.316
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.270.625	83.675.187
<b>Cộng</b>	<b>6.687.612.007</b>	<b>6.861.125.503</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	17.336.964.363	64.435.009.720	27.987.707.716	2.293.465.925	112.053.147.724
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.336.964.363</b>	<b>64.435.009.720</b>	<b>27.987.707.716</b>	<b>2.293.465.925</b>	<b>112.053.147.724</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	17.602.134.298	63.105.359.720	27.426.557.716	1.862.304.925	109.996.356.659
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	16.628.594.753	63.612.101.069	27.824.038.966	2.189.113.340	110.253.848.128
Khấu hao trong kỳ	708.025.663	544.151.098	46.762.500	33.322.566	1.332.261.827
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.336.620.416</b>	<b>64.156.252.167</b>	<b>27.870.801.466</b>	<b>2.222.435.906</b>	<b>111.586.109.955</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	708.369.610	822.908.651	163.668.750	104.352.585	1.799.299.596
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>343.947</b>	<b>278.757.553</b>	<b>116.906.250</b>	<b>71.030.019</b>	<b>467.037.769</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 343.947 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.620.000.000	-	1.620.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.620.000.000</b>

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

#### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 109.100.433.509 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2018	45.114.683.244
Năm 2019	47.129.541.537
6 tháng 2020	16.856.208.728
<b>Cộng</b>	<b>109.100.433.509</b>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>34.661.286.861</i>	<i>34.870.567.630</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	728.575.219	728.575.219
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	7.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	716.467.110	716.467.110
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	13.796.385	13.796.385
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	94.798.408	2.087.796
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.428.207.604	21.428.207.604
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	104.613.768	104.613.768
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.630.197.000	1.732.188.381
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	9.875.160.367	10.075.160.367
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>122.751.208.672</i>	<i>121.645.087.630</i>
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.649.976.831	17.649.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	13.071.877.951	13.071.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	20.549.269.884	17.802.127.719
Các nhà cung cấp khác	71.480.084.006	73.121.105.129
<b>Cộng</b>	<b>157.412.495.533</b>	<b>156.515.655.260</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>54.860.951.279</i>	<i>54.860.951.279</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	46.651.143.944	46.651.143.944
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	781.665.745	781.665.745
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	1.958.520.528	1.958.520.528
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>15.222.655.839</i>	<i>15.022.907.192</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Suối Mu	3.284.400.000	3.284.400.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Rào Trăng 4	-	2.714.213.179
Các khách hàng khác	11.938.255.839	9.024.294.013
<b>Cộng</b>	<b>70.083.607.118</b>	<b>69.883.858.471</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	46.814.873.109	865.463.965	(1.411.003.900)	46.269.333.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.335.746.607	-	-	7.335.746.607
Thuế thu nhập cá nhân	1.366.058.010	22.272.756	-	1.388.330.766
Thuế nhà đất	6.671.117.684	419.165.208	-	7.090.282.892
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.443.373.888	387.518.118	(3.183.693)	14.827.708.313
<b>Cộng</b>	<b>76.631.169.298</b>	<b>1.699.420.047</b>	<b>(1.419.187.593)</b>	<b>76.911.401.752</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp tại Lào	0%
Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5-10%
Bán vật tư, thiết bị	10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.760.078.125)	(18.727.415.279)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	903.869.396	793.755.651
- Các khoản điều chỉnh tăng	903.869.396	793.755.651
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(16.856.208.729)	(17.933.659.628)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh cộng với lãi vay và chi phí khấu hao trong kỳ. Tuy nhiên, theo quan điểm của Công ty, chi phí lãi vay được trừ không tính trên toàn bộ phần chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ mà chỉ tính trên phần lãi vay với Tổng công ty Sông Đà. Do đó, Công ty chưa xác định chi phí lãi vay bị loại khi tính thuế TNDN liên quan đến quy định này.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.726.516.186</b>	<b>1.726.516.186</b>
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	1.726.516.186	1.726.516.186
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.533.246.764</b>	<b>12.321.601.479</b>
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long	3.806.376.112	3.806.376.112
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	-	1.818.168.460
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	25.300.000	25.300.000
Chi phí công trình trích trước	6.701.570.652	6.671.756.907
<b>Cộng</b>	<b>12.259.762.950</b>	<b>14.048.117.665</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>22.983.760.539</i>	<i>22.987.260.539</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	22.737.764.720	22.741.264.720
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	93.286.892	93.286.892
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	148.208.927	148.208.927
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>65.992.543.619</i>	<i>55.632.795.121</i>
Lãi vay phải trả	32.504.644.360	23.937.562.469
Kinh phí công đoàn	1.696.734.648	1.601.649.540
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	24.585.495.921	23.016.030.904
Cổ tức phải trả	2.604.840.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.600.828.530	4.472.712.048
<b>Cộng</b>	<b>88.976.304.158</b>	<b>78.620.055.660</b>

### 18. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<i>2.027.453.211</i>	<i>2.027.453.211</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.027.453.211	2.027.453.211
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>214.118.689.467</i>	<i>215.368.689.467</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình <sup>(i)</sup>	180.218.689.467	180.468.689.467
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà <sup>(ii)</sup>	33.900.000.000	34.900.000.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân khác</i>	<i>250.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>216.396.142.678</b>	<b>217.496.142.678</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 01/2018/645305/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2018, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VIII.1b)

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260-LAV-201800163 ngày 27 tháng 6 năm 2018 để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 9,5%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, giá trị cổ phần theo mệnh giá là 39.124.820.000 đồng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn bên liên quan	2.027.453.211	-	-	2.027.453.211
Vay ngắn hạn ngân hàng	215.368.689.467	-	(1.250.000.000)	214.118.689.467
Vay ngắn hạn cá nhân khác	100.000.000	150.000.000	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>217.496.142.678</b>	<b>150.000.000</b>	<b>(1.250.000.000)</b>	<b>216.396.142.678</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	384.480.284	(26.000.000)	358.480.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279	-	1.625.739.279
Cộng	<u>2.010.219.563</u>	<u>(26.000.000)</u>	<u>1.984.219.563</u>

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Kỳ trước</b>					
Số đầu năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(27.561.146.681)	110.242.743.445
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	(18.727.415.279)	(18.727.415.279)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<u>83.536.200.000</u>	<u>11.927.177.227</u>	<u>42.340.512.899</u>	<u>(46.288.561.960)</u>	<u>91.515.328.166</u>
<b>Kỳ này</b>					
Số đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(142.791.260.905)	(4.987.370.779)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(17.760.078.124)	(17.760.078.124)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<u>83.536.200.000</u>	<u>11.927.177.227</u>	<u>42.340.512.899</u>	<u>(160.551.339.029)</u>	<u>(22.747.448.903)</u>

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	38.556.000.000	38.556.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
<b>Cộng</b>	<u>95.463.377.227</u>	<u>95.463.377.227</u>

##### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền gửi ngân hàng bao gồm 89,3 USD (số đầu năm là 95,9 USD).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.696.350.856	32.614.667.432
Doanh thu khác	-	16.697.296
<b>Cộng</b>	<b>20.696.350.856</b>	<b>32.631.364.728</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</b>		
Doanh thu xây lắp thực hiện cho Tổng công ty	3.432.992.943	

### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của các hợp đồng xây dựng.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	874.835	1.726.686
Lãi tiền cho vay	460.595.488	450.575.025
<b>Cộng</b>	<b>461.470.323</b>	<b>452.301.711</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.723.538.981	9.770.950.823
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.453.690.731	2.003.886.000
<b>Cộng</b>	<b>10.177.229.712</b>	<b>11.774.836.823</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.320.983.461	3.426.846.340
Chi phí vật liệu quản lý	129.399.890	261.809.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.217.500	72.191.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.085.066	80.085.066
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.800.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	878.441.804	1.048.720.887
Các chi phí khác	370.266.331	1.581.262.715
<b>Cộng</b>	<b>2.988.394.052</b>	<b>6.475.915.763</b>

### 6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp BHXH	516.351.278	732.636.718
Tiền án phí	60.535.939	
Thuế bị phạt, bị truy thu	387.518.118	61.118.933
Phạt vi phạm hành chính	841.808	
<b>Cộng</b>	<b>965.247.143</b>	<b>793.755.651</b>

### 7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về tạm ứng cho các thành viên Ban điều hành với số tiền là 20.000.000 VND ( năm trước là 25.000.000 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao Hội đồng quản trị trong kỳ là 105.834.834 VND (cùng kỳ năm trước là 310.668.021 VND).

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các Công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cùng Tập đoàn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác.

*Cam kết bảo lãnh*

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản cố định là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình. với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17).

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.16, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**